

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 533/2024/DS-ST

Ngày: 31/7/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2. Ông **Lại Hữu Tâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Thành** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đăng** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 324/2024/TLST-DS ngày 22/4/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 422/2024/QĐXXST-DS ngày 20/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 373/2024/QĐST-DS ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng A.**

Địa chỉ: 266-268 A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Gia T**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: 278 A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số: 1570/2024/UQ-TGD ngày 14/3/2024).

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: C8/29 ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt)); bà T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được - nguyên đơn Ngân hàng A có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Gia T trình bày:

Ngày 08/10/2018, bà Nguyễn Thị Ngọc T có ký với Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), căn cứ thu nhập của bà T, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 38,056,688 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25,544,000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/01/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 16,450,762 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu bà T trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 31/7/2024 là **52,443,400 đồng**.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T, yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng A kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/07/2024 là **52,443,400 đồng** (Năm mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, bốn trăm đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 16,450,762 đồng
- Lãi quá hạn : 35,992,638 đồng

2. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/08/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Kính đề nghị Quý Tòa xem xét, tạo điều kiện để Ngân hàng thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, bà Nguyễn Thị Ngọc T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Gia T và bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Gia T

và bà Nguyễn Thị Ngọc T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 31/7/2024 là 52,443,400 đồng (Năm mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, bốn trăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 16,450,762 đồng; Lãi quá hạn: 35,992,638 đồng. Ngoài ra, bà T vẫn còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh từ ngày 01/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ Tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ kèm Hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ Tín dụng của Ngân hàng). Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được Ngân hàng A phê duyệt ngày 08/10/2017 thì giữa chủ thẻ chính là bà Nguyễn Thị Ngọc T và bên phát hành thẻ là Ngân hàng A có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng A cung cấp thì sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 38,056,688 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được 25,544,000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/01/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 16,450,762 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*” Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Xét bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 16.450.762 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 31/7/2024) là 35,992,638 đồng và buộc bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “... 2. *Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Xét trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bà T sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/01/2020 là phù hợp.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 31/7/2024) là 35.992.638 đồng và buộc bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi Tòa nên theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A đến ngày 31/7/2024 nợ gốc là 16.450.762 đồng (mười sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng); nợ lãi quá hạn tính đến ngày 31/7/2024 là 35.992.638 đồng (ba mươi lăm triệu chín trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng). Tổng cộng là 52.443.400 đồng (năm mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm đồng), trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.622.170 đồng (hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn một trăm bảy mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2024 nợ gốc là 16.450.762 đồng (mười sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng); nợ lãi quá hạn tính đến ngày 31/7/2024 là 35.992.638 đồng (ba mươi lăm triệu chín trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng). Tổng cộng là 52.443.400 đồng (năm mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ngọc T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.622.170 đ (hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn một trăm bảy mươi đồng).

- Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí là 1.235.164 đ (một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng) theo biên lai thu số 0033623 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



Phạm Thị Kim Định